

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 17-6-2020

V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hạ Quyên, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 509/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh X, sinh năm: 1964; nơi ĐKKHKT: Tổ 1, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nơi tạm trú: Tổ dân phố C, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị L, sinh năm: 1964; địa chỉ: Tổ 1, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11-12-2019 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Huỳnh X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Huỳnh Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 14/3/1998. Tuy nhiên, hiện nay Giấy chứng nhận kết hôn đã bị mất nên ông không còn bản chính Giấy chứng nhận kết hôn để giao nộp cho Tòa án. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống; vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gổ với nhau; bà L có thái độ coi thường ông, mẹ ông, chị ông và nghi ngờ ông quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Ông đã cố gắng khuyên nhủ vợ nhưng bà

L vẫn luôn bảo thủ. Kể từ tháng 12-2017 đến nay, ông và bà L đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay ông nhận thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân với bà L nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Huỳnh Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Thị Thùy L, sinh năm 29/10/1992; hiện nay con đã trưởng thành, đủ khả năng tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Huỳnh Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Huỳnh X kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 14/3/1998. Tuy nhiên, hiện nay Giấy chứng nhận kết hôn đã bị mất nên không còn bản chính Giấy chứng nhận kết hôn để giao nộp cho Tòa án. Quá trình chung sống thì lúc đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, vợ chồng có mâu thuẫn trong khoảng thời gian chồng về quê lo làm nhà cho mẹ ruột thường hay bỏ nhà đi không lo gì cho gia đình. Ngoài ra vợ chồng không có mâu thuẫn gì nặng nề. Đối với tờ giấy phôi tờ mà ông X giao nộp cho Tòa án trong đó có một số nội dung là do chính bà ghi. Mục đích bà ghi là do bà buồn bực nên nảy sinh suy nghĩ ghi lung tung chứ mục đích không có vấn đề gì nghi ngờ đối với ông X. Do đó, việc ông X yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà thì bà không đồng ý ly hôn vì bà vẫn còn yêu thương ông X.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Thị Thùy L, sinh năm 29/10/1992; hiện nay con đã trưởng thành, đủ khả năng tự nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh X. Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh X được ly hôn bà Huỳnh Thị L; Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Thị Thùy L, sinh năm 29/10/1992; hiện nay đã thành niên, đủ khả năng tự nuôi sống bản thân nên không xem xét. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu

cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Ông Huỳnh X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại thời điểm ông Huỳnh X khởi kiện thì bà Huỳnh Thị L đang cư trú tại tổ 1, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý vụ án “Ly hôn” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh X là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh X và bà Huỳnh Thị L tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S (nay là thành phố Quảng Ngãi), tỉnh Quảng Ngãi, đã được Ủy ban nhân dân xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14 tháng 3 năm 1998. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông Huỳnh X và bà Huỳnh Thị L là hợp pháp.

Theo trình bày của nguyên đơn ông Huỳnh X thì trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống; vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gổ với nhau; bà L có thái độ coi thường ông, mẹ, chị của ông và nghi ngờ ông quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Ông đã cố gắng khuyên nhủ vợ nhưng bà L vẫn không thay đổi. Kể từ tháng 12-2017 đến nay, ông và bà L đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay, ông không còn tình cảm vợ chồng với bà Huỳnh Thị L nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà L để ổn định cuộc sống.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị L thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đúng mức độ như ông Huỳnh X trình bày, vợ chồng hay nói qua nói lại, bà L cho rằng ông X có quan hệ với người phụ nữ khác. Bà L trình bày vẫn còn tình cảm vợ chồng với ông X nên không đồng ý ly hôn, nhưng trên thực tế bà X chưa có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên phải sống ly thân từ tháng 12 năm 2017 đến nay.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Huỳnh X, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống, giữa ông Huỳnh X và bà Huỳnh Thị L phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bà L không tôn trọng ông X và gia đình ông X, bà L nghi ngờ ông X có quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông X đã khuyên bảo nhiều lần nhưng bà L vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ông X, bà L ngày càng trầm trọng, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên từ tháng 12 năm 2017 ông X đã ra ngoài thuê nhà ở riêng và chính thức sống ly thân với bà L từ đó đến nay. Trong quá trình giải

quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, mặc dù Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã phân tích, hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng ông X xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà L và cương quyết xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông Huỳnh X và bà Huỳnh Thị L đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, ông X và bà L đã không còn sống chung với nhau một thời gian dài, không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau, không còn tôn trọng quan tâm giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ thực hiện công việc chung trong gia đình. Xét thấy tình nghĩa vợ chồng không còn quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đây là một trong những căn cứ để Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, ông Huỳnh X yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn bà Huỳnh Thị L là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào trình bày của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Ông Huỳnh X và bà Huỳnh Thị L có 01 (một) con chung tên Huỳnh Thị Thùy L, sinh ngày 29/10/1992; hiện đã thành niên, đủ khả năng tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận; Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có; Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Huỳnh X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông X đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh X. Ông Huỳnh X được ly hôn bà Huỳnh Thị L.

2. Về con chung: Ông Huỳnh X và bà Huỳnh Thị L có 01 con chung tên Huỳnh Thị Thùy L, sinh năm 29/10/1992. Hiện đã thành niên, đủ khả năng tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận; Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có; Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Ông Huỳnh X phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông X đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0003154 ngày 20-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Dũng